

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 -2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 -2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 -2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là *Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:

a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện.

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2025 – 2035 và hàng năm tối thiểu bằng 20% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.

Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa được phân bổ cho các cấp, các xã, phường tương ứng với mức vốn ngân sách trung ương được phân bổ, bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu theo quy định. Mức vốn đối ứng ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường được xác định theo công thức: Vốn đối ứng địa phương của xã, phường = Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường \times Tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã

- Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0.

- Các xã còn lại: Hệ số 4,0.

- Các phường: Hệ số 2,0.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô dân số

- Các xã có dân số có quy mô dân số dưới 20.000 người: Hệ số 0,4.

- Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 0,8.

- Các xã, phường có quy mô dân số từ 30.000 người đến dưới 70.000 người: Hệ số 1,4.

- Các xã, phường có quy mô dân số trên 70.000 người: Hệ số 3.

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô diện tích

- Các xã, phường có quy mô diện tích có diện tích từ 400km² trở lên: Hệ số 2,6.

- Các xã có quy mô diện tích từ 200km² đến dưới 400km²: Hệ số 1,2.

- Các xã có quy mô diện tích từ 100km² đến dưới 200km²: Hệ số 0,6

- Các xã, phường có quy mô diện tích dưới 100km²: Hệ số 0,3.

d) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Các xã, phường có các điểm Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 4,75 (05 di tích Quốc gia Đặc biệt).

- Các xã, phường có các điểm Di tích cấp quốc gia: Hệ số 1,4 (39 di tích quốc gia).

2. Phương pháp tính mức phân bổ vốn

a) Căn cứ các tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại khoản 1 Điều này, xác định tổng số điểm của từng xã, phường làm căn cứ phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Gọi tổng số điểm của đơn vị hành chính cấp xã thứ i là X_i , được xác định theo công thức:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Trong đó:

A_i là điểm theo tiêu chí đối tượng xã, phường, đặc khu của đơn vị thứ *i*, gồm: xã đặc biệt khó khăn, đặc khu; xã còn lại; phường.

B_i là điểm theo tiêu chí quy mô dân số của đơn vị thứ *i*.

C_i là điểm theo tiêu chí quy mô diện tích tự nhiên của đơn vị thứ *i*

D_i là điểm theo tiêu chí di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

b) Tổng số điểm của toàn tỉnh được xác định theo công thức:

$$Y = X1 + X2 + \dots + Xn$$

Trong đó:

Y là tổng số điểm của các xã, phường, đặc khu được phân bổ vốn; **n** là tổng số xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi phân bổ vốn.

c) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được xác định theo công thức:

$$Z = K / Y$$

Trong đó:

K là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp xã thực hiện Chương trình sau khi trừ phần vốn phân bổ cho cấp tỉnh theo phương án được cấp có thẩm quyền quyết định;

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ.

d) Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu được xác định theo công thức:

$$V_i = Z \times X_i$$

Trong đó: **V_i** là mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho đơn vị hành chính cấp xã thứ *i*.

đ) Trên cơ sở kết quả tính toán theo công thức nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phương án phân bổ vốn cụ thể, bảo đảm phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn có quy mô dân số lớn, diện tích rộng, nhu cầu thụ hưởng văn hóa cao; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, không dàn trải, không trùng lặp với các chương trình, dự án khác.

3. Định mức phân bổ vốn

a) Tổng vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được phân bổ theo nguyên tắc như sau:

- Tối thiểu 30% tổng vốn được phân bổ cho cấp xã để thực hiện các nội dung của Chương trình theo tiêu chí, hệ số quy định tại điểm a, b, c, d Điều 4 của Nghị quyết này.

- Tối đa 70% tổng vốn được bố trí cho các nhiệm vụ do cấp tỉnh trực tiếp thực hiện.

b) Đối với vốn đầu tư: Ưu tiên phân bổ để tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; ưu tiên tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt và

di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn, tổ dân phố...); điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở.

c) Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.

d) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá XI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Đài PTTH Đắk Lắk; Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH